

Bản án số: 44/2018/HS-ST

Ngày: 03/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Minh và bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Từ Sĩ Trần Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2018/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/HSST- QĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **DUƠNG QUANG H** (tên gọi khác: Võ Mạnh Hùng), sinh năm 1986; Nơi đăng ký HKTT: Xóm 4, xã AH, huyện K, tỉnh NB; Tạm trú: 97/3 đường Ngô Gia Tự, phường T, thành phố P, tỉnh N; Nghề nghiệp: làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá : 12/12; Tiền án, tiền sự: không; Con ông Dương Văn H1, sinh năm 1965 và bà Vũ Thị H2, sinh năm 1966; Có vợ Hoàng Thị T, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2008; Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị L, sinh năm 1984 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện NS, tỉnh N.

2. Bà Châu Thị H, sinh năm 1978 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh N.

3. Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1988 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh N.

4. Bà Lê Thị Thiên Tr, sinh năm 1976 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã Nh, huyện NS, tỉnh N.

5. Bà Huỳnh Thị Hồng Th, sinh năm 1985 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: N, xã Ph, huyện NP, tỉnh N.

6. Bà Trần Thị Thu Th, sinh năm 1990 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Địa chỉ: Khu phố 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh N.
7. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1982 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thành phố Phan R, tỉnh N.
8. Bà Võ Thị H, sinh năm 1979 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: C, xã Th, thành phố P, tỉnh N.
9. Bà Lương Thị Bích L, sinh năm 1974 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện NS, tỉnh N.
10. Bà Đường Thị Bích Th, sinh năm 1977 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh N.
11. Bà Nguyễn Ngọc Hương H, sinh năm 1969 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Số 39A1 đường H, khu phố 6, phường T, thành phố Phan R, tỉnh N.
12. Bà Lưu Ngọc Ph, sinh năm 1984 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện NP, tỉnh N.
Chỗ ở hiện nay: Số 17A đường Lê Hồng P, khu phố 2, phường M, thành phố P, tỉnh N.
13. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1975 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: T, xã Th, thành phố P, tỉnh N.
14. Bà Trần Thị Sơn Gh, sinh năm 1980 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Trú tại: Thôn L, xã Nh, huyện NS, tỉnh N.
15. Bà Nguyễn Thị Hoa S, sinh năm 1966 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Số 25/22 đường Nguyễn Thượng H, khu phố 3, phường T, thành phố P, tỉnh N.
16. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1970 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Số 30/10 đường Phạm Ngũ L, khu phố 9, phường Ph, thành phố P, tỉnh N.
17. Bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1968 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, thành phố P, tỉnh N.
18. Bà Lê Thị Mỹ Ph, sinh năm 1972 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố 2, phường Ph, thành phố P, tỉnh N.
19. Bà Mai Thị Kim Th, sinh năm 1963 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh N.
- Người làm chứng:**
1. Ông Dương Văn H1, sinh năm 1965 (vắng mặt).
Địa chỉ: Xóm 4, xã AH, huyện K, tỉnh NB.
Tạm trú: Số 97/3 đường Ngô Gia T, phường Th, thành phố P, tỉnh N.
2. Ông Dương Văn H3, sinh năm 1989 (vắng mặt).
Địa chỉ: Xóm 4, xã AH, huyện K, tỉnh NB.
Tạm trú: phường Tân Thới Nh, quận 12, thành phố H.
3. Bà Võ Thị Thanh Th, sinh năm 1984 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện NP, tỉnh N.
4. Ông Võ Văn T, sinh năm 1976 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Số 67/8 đường Ngô Q, khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh N.
5. Bà Võ Thị Gái E, sinh năm 1966 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã Nh, huyện NS, tỉnh N.

6. Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1992 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 8/20 đường Tô H, khu phố 4, phường K, thành phố P, tỉnh N.

7. Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1970 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Ph, thành phố P, tỉnh N.

8. Bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1957 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã AH, huyện NP, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo bản cáo trạng: Khoảng tháng 4 năm 2017, Dương Quang H, sinh năm 1986, có hộ khẩu thường trú tại: Xóm 4, xã AH, huyện K, tỉnh NB đến địa bàn thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nhằm mục đích thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên Hợp lập và in những tờ giấy có nội dung ghi: “Ngân hàng cho vay trả góp thủ tục đơn giản: Hộ khẩu + CMND gốc. Vay từ 3 triệu đến 30 triệu LH: 0935.540.314” (*Số điện thoại của Hợp*). Sau đó, H và Dương Văn H1, sinh năm 1955 (*Là cha ruột của H*) đi dán trên các trụ điện, tường rào ở các tuyến đường trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Đến khoảng giữa tháng 5 năm 2017, có người gọi điện thoại cho H hỏi vay tiền nên H đến nhà người muốn vay để nắm rõ thông tin người vay như thế nào, nếu đủ điều kiện thì yêu cầu người vay đưa chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gốc để làm thủ tục cho vay. Do nhiều người vay tiền nên H thuê thêm 04 người không rõ họ tên địa chỉ, gồm: Phúc (*Tuấn em*) ở Long An, Ân (*Tiến*) ở Bạc Liêu, Lập (*Tuấn Anh*) ở Bình Phước, Trung (*Dũng*) ở Ninh Bình để thu tiền lãi mỗi ngày, trong đó: Trung (*Dũng*) là người được H cử đi nắm thông tin người vay và trực tiếp ghi sổ vay. Ngoài ra, H còn nhờ Dương Văn H1, Dương Văn H3, sinh năm 1989 (*Là em ruột của Hợp*), Võ Thị Thanh Th, sinh năm 1984, cư trú: Thôn H, xã Ph, huyện NP, tỉnh NT (*Là bạn gái của H*) tham gia thu tiền mỗi ngày cho H. Nếu người vay không trả đúng hẹn, H sẽ cùng đồng bọn đến nhà người vay để đòi tiền, nếu không trả thì sẽ hành hung, siết tài sản, xịt sơn chữ “*Trốn nợ*” để buộc người vay phải trả tiền. Trong thời gian từ giữa tháng 5/2017 đến tháng 10/2017, Dương Quang H đã cho nhiều người vay tiền, cụ thể như sau:

1. Bà Võ Thị L, sinh năm 1984, vay của Dương Quang H, số tiền 10.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 500.000^d đồng và thu tiền góp ngày đầu tiên là 300.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà L chỉ còn nhận được số tiền 9.200.000^d nhưng bà L phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 300.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà L phải trả cho H là 12.300.000^d, H thu được tiền lãi từ bà L là 3.100.000^d.

2. Bà Châu Thị H, sinh năm 1978, vay của Dương Quang H, số tiền 5.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 250.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 150.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà H chỉ còn nhận được số tiền 4.600.000^d nhưng bà H phải trả tiền góp mỗi ngày cho H

là 150.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà H phải trả cho H là 6.150.000^d H thu được tiền lãi từ bà H là 1.550.000^d.

3. Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1988, vay của Dương Quang H, số tiền 10.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 500.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 300.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà Th chỉ còn nhận được số tiền 9.200.000^d nhưng bà Th phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 300.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà Th phải trả cho H là 12.300.000^d, H thu được tiền lãi từ bà Th là 3.100.000^d.

4. Bà Lê Thị Thiên Tr, sinh năm 1976, vay của Dương Quang H, số tiền 10.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 500.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 300.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà Tr chỉ còn nhận được số tiền 9.200.000^d nhưng bà Tr phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 300.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà Tr phải trả cho H là 12.300.000^d H thu được tiền lãi từ bà Tr là 3.100.000^d.

5. Bà Trần Thị Thu Th (Ngheo), sinh năm 1990, vay của Dương Quang H, số tiền 5.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 250.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 150.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà Th chỉ còn nhận được số tiền 4.600.000^d nhưng bà Th phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 150.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà Th phải trả cho H là 6.150.000^d, H thu được tiền lãi từ bà Th là 1.550.000^d.

6. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1982, vay của Dương Quang H, số tiền 5.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 250.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 150.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà L chỉ còn nhận được số tiền 4.600.000^d nhưng bà L phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 150.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà L phải trả cho H là 6.150.000^d, H thu được tiền lãi từ bà L là 1.550.000^d.

7. Bà Võ Thị H, sinh năm 1979, vay của Dương Quang H, số tiền 15.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 750.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 450.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà H chỉ còn nhận được số tiền 13.800.000^d nhưng bà H phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 450.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà H phải trả cho H là 18.450.000^d, H thu được tiền lãi từ bà H là 4.650.000^d. (Bà H vay của Dương Quang H 03 lần, tổng số tiền là 15.000.000^d).

8. Bà Lương Thị Bích L, sinh năm 1974, vay của Dương Quang H, số tiền 30.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 1.500.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 900.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà L chỉ còn nhận được số tiền 27.600.000^d nhưng bà L phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 900.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà L phải trả cho H là 36.900.000^d, H thu được tiền lãi từ bà L là 9.300.000^d. (Bà L vay của Dương Quang H 03 lần, tổng số tiền là 30.000.000^d).

9. Bà Đường Thị Bích Th, sinh năm 1977, vay của Dương Quang H, số tiền 5.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 250.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 150.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà Th

chỉ còn nhận được số tiền 4.600.000^d nhưng bà Th phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 150.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà Th phải trả cho H là 6.150.000^d, H thu được tiền lãi từ bà Th là 1.550.000^d.

10. Bà Nguyễn Ngọc Hương H, sinh năm 1969, vay của Dương Quang Hợp, số tiền 25.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 1.250.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 750.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà H chỉ còn nhận được số tiền 23.000.000^d nhưng bà H phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 750.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà H phải trả cho H là 30.750.000^d, H thu được tiền lãi từ bà H là 7.750.000^d. *(Bà H vay của Dương Quang H 03 lần, tổng số tiền là 25.000.000^d).*

11. Bà Lưu Ngọc Ph, sinh năm 1984, vay của Dương Quang H, số tiền: 40.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 2.000.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 1.200.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà Ph chỉ còn nhận được số tiền 36.800.000^d nhưng bà Ph phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 1.200.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà Ph phải trả cho H là 49.200.000^d, H thu được tiền lãi từ bà L là 12.400.000^d. *(Bà Ph vay của Dương Quang H 02 lần, tổng số tiền là 40.000.000^d).*

12. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1975, vay của Dương Quang H, số tiền 20.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 1.000.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 600.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà B chỉ còn nhận được số tiền 18.400.000^d nhưng bà B phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 600.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà B phải trả cho H là 24.600.000^d, H thu được tiền lãi từ bà B là 6.200.000^d.

13. Bà Trần Thị Sơn Gh, sinh năm 1980, vay của Dương Quang H, số tiền 5.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 250.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 150.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà Gh chỉ còn nhận được số tiền 4.600.000^d nhưng bà Gh phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 150.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà Gh phải trả cho H là 6.150.000^d, H thu được tiền lãi từ bà Gh là 1.550.000^d.

14. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1972, vay của Dương Quang H, số tiền 5.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 250.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 150.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà Nh chỉ còn nhận được số tiền 4.600.000^d nhưng bà Nh phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 150.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà Nh phải trả cho H là 6.150.000^d, H thu được tiền lãi từ bà Nh là 1.550.000^d.

15. Bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1968, vay của Dương Quang H, số tiền 3.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 150.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 100.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà C chỉ còn nhận được số tiền 2.750.000^d nhưng bà C phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 100.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà C phải trả cho H là 4.100.000^d, H thu được tiền lãi từ bà C là 1.350.000^d.

16. Bà Lê Thị Mỹ Ph, sinh năm 1972, vay của Dương Quang H, số tiền 10.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là

500.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 300.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà Ph chỉ còn nhận được số tiền 9.200.000^d nhưng bà Ph phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 300.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà Ph phải trả cho H là 12.300.000^d, H thu được tiền lãi từ bà Ph là 3.100.000^d.

17. Bà Mai Thị Kim Th, sinh năm 1963, vay của Dương Quang H, số tiền 5.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 250.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 150.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà Th chỉ còn nhận được số tiền 4.600.000^d nhưng bà Th phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 150.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà Th phải trả cho H là 6.150.000^d, H thu được tiền lãi từ bà Th là 1.550.000^d.

18. Bà Nguyễn Thị Hoa S, sinh năm 1966, vay của Dương Quang H, số tiền 5.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 250.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 150.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà S chỉ còn nhận được số tiền 4.600.000^d nhưng bà S phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 150.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà S phải trả cho H là 6.150.000^d, H thu được tiền lãi từ bà S là 1.550.000^d.

19. Bà Huỳnh Thị Hồng Th, sinh năm 1985, vay của Dương Quang H, số tiền 10.000.000^d. Khi làm hồ sơ cho vay, H thu phí làm hồ sơ và chi phí đi thu nợ 5% là 500.000^d và thu tiền góp ngày đầu tiên là 300.000^d. Sau khi trừ các khoản phí, bà Th chỉ còn nhận được số tiền 9.200.000^d nhưng bà Th phải trả tiền góp mỗi ngày cho H là 300.000^d trong vòng 41 ngày. Tổng số tiền bà Th phải trả cho H là 12.300.000^d, Hợp thu được tiền lãi từ bà Th là 3.100.000^d. Ngoài ra, bà Th còn vay của H 20.000.000^d đồng nhưng bà Th chỉ trả cho H tiền gốc và lãi được số tiền 11.000.000^d.

20. Ông Võ Văn T, sinh năm 1976, vay tiền của Dương Quang H 02 lần, mỗi lần vay 5.000.000^d nhưng ông T chỉ trả cho H tiền gốc và lãi được số tiền 3.900.000^d.

21. Bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1957, vay tiền của Dương Quang Hợp vay 01 lần 10.000.000^d nhưng bà N chỉ trả cho H tiền gốc và lãi được số tiền 7.200.000^d.

22. Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1970, vay tiền của Dương Quang Hợp 02 lần, tổng số tiền 10.000.000^d (Mỗi lần 5.000.000^d) nhưng ông L chỉ trả cho H tiền gốc và lãi được số tiền 6.300.000^d.

23. Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1992, vay tiền của Dương Quang H 03 lần, tổng cộng 25.000.000^d (Trong đó: 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng; 01 lần 5.000.000 đồng) nhưng bà T chỉ trả cho H tiền gốc và lãi được số tiền 11.400.000^d.

24. Bà Võ Thị Gái E, sinh năm 1980, có vay tiền của Dương Quang H vay 02 lần, tổng cộng 20.000.000^d (Mỗi lần 10.000.000^d) nhưng bà E chỉ trả cho H tiền gốc và lãi được số tiền 13.800.000^d.

Tại Cơ quan điều tra, Dương Quang H khai nhận: Khi đến địa bàn tỉnh Ninh Thuận để làm ăn, Dương Quang H chỉ sinh sống bằng nghề cho vay tiền lấy lãi và lấy việc cho vay lấy lãi làm nguồn sống chính. H tự lập và in những tờ giấy có nội dung ghi: “Ngân hàng cho vay trả góp thủ tục đơn giản: Hộ khẩu + CMND gốc.

Vay từ 3 Triệu đến 30 Triệu LH: 0935.540.314” (*Số điện thoại của Hợp*) đi dán các trụ điện ở nhiều nơi và thuê người đi kiểm tra, xác minh nơi ở của người vay, tìm hiểu thông tin về người vay để bảo đảm việc thu tiền lãi và đòi nợ. Nếu người vay chậm trả tiền thì gọi điện thoại nhắc nhở, chuẩn bị các loại hung khí, sẵn sàng hù dọa hoặc xịt sơn lên nhà để uy hiếp tinh thần người vay và buộc người vay phải trả tiền cho H. Trong thời gian cho vay, Dương Quang H đã cho khoảng 96 người vay, với tổng số tiền khoảng 960.000.000^d. Tuy nhiên, quá trình điều tra chỉ xác định được có 24 người vay tiền của H, còn những người vay tiền của Hợp còn lại không xác định được họ tên, địa chỉ vì lý do H giao cho Tr (*Dũng*) tự làm hợp đồng đối với người vay tiền và trực tiếp đi thu tiền nên H không biết tên, địa chỉ người vay cụ thể. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Lãi suất như sau

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Như vậy, lãi suất cho vay không được vượt quá 1,67%/tháng. Tuy nhiên, theo cách thức mà Dương Quang H cho 24 người vay tiền nêu trên, được tính với lãi suất 24,6%/tháng (*Cao gấp 14,73 lần so với mức cao nhất mà Pháp luật cho phép*) Trong 24 người vay tiền, chỉ xác định có 19 người vay, với tổng số tiền: 223.000.000^d (*có trả tiền gốc và tiền lãi đầy đủ cho H*) và H đã hưởng lợi từ việc cho vay là 69.550.000^d.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Dương Quang H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Dương Quang H đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng”.

Tại Cáo trạng số 38/CT- VKSPR ngày 24/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng” theo khoản 1 điều 163 của Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, 3 điều 163 của Bộ luật Hình sự 1999; điểm h, p khoản 1 điều 46; xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung số tiền từ 02 đến 03 lần số tiền thu lợi bất chính.

Xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với hung khí của Dương Quang H mua về nhằm phục vụ cho việc đòi nợ tiền vay gồm: 05 gậy sắt rút 3 khúc màu đen; 04 mã tấu tự chế dài 1,2m; 01 dao gấp màu trắng; 01 dao gấp màu đen; 02 mã tấu lưỡi Inox, cán gỗ.

Tích thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1134, màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1187. Đây là điện thoại mà Dương Quang H dùng để sử dụng làm phương tiện liên lạc cho vay lãi nặng. Đồng thời buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 69.550.000^d để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền mà Dương Quang H cho vay nhưng chưa trả tiền đầy đủ, gồm: bà Huỳnh Thị Hồng Th vay 20.000.000^d, trả được 11.000.000^d; ông Võ Văn T vay 10.000.000^d, trả được 3.900.000^d; bà Lê Thị Ngọc N vay 10.000.000^d, trả được 7.200.000^d; ông Phạm Ngọc L vay 10.000.000^d, trả được 6.300.000^d; bà Nguyễn Thị Ánh T vay 25.000.000^d, trả được 11.400.000^d; bà Võ Thị Gái E vay 20.000.000^d, trả được 13.800.000^d. Do chưa trả đủ số tiền gốc và tiền lãi nên không có cơ sở để xử lý đối với các trường hợp này.

Đối với hành vi của Dương Văn H1, Dương Văn H2, Võ Thị Thanh Th. Mặc dù, có tham gia đi dán các tờ giấy có nội dung ghi: “Ngân hàng cho vay trả góp thủ tục đơn giản: Hộ khẩu + CMND gốc. Vay từ 3 Triệu đến 30 Triệu LH: 0935.540.314” (*Số điện thoại của Hợp*), đi thu tiền cho Dương Quang H nhưng ông H1, anh H2, chị Th không biết hình thức cho vay của H cũng như lãi suất H cho người khác vay và không hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý hình sự.

Đối với những người tên: Ph (*Tuấn em*) ở Long An, Ân (*Tiến*) ở Bạc Liêu, L (*Tuấn Anh*) ở Bình Phước, Tr (*Dũng*) ở Ninh Bình. Quá trình điều tra, chưa xác định được nhân thân, lai lịch và chưa tiến hành ghi lời khai được nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Bị cáo nói lời sau cùng: “ Bị cáo biết sai khi vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an Thành phố Phan rang – Tháp chàm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Phan rang – Tháp chàm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Dương Quang H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, trong thời gian từ giữa tháng 5/ 2017 đến tháng 10/ 2017 bị cáo vào Ninh Thuận lấy việc cho vay lãi nặng làm nghề kiếm tiền và làm nguồn sống chính. Bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với 19 người, với tổng số tiền 223.000.000^d, bằng lãi suất 24,6%/tháng (*cao gấp 14,76 lần so với mức lãi suất tối đa mà pháp luật cho phép là 1,666% /tháng theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015*),

thu lợi bất chính với tổng số tiền 69.550.000^d. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01/01/2018, vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Phan rang – Tháp chàm truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng” theo khoản 1 điều 163 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo biết rõ việc cho vay lãi nặng bị Nhà nước nghiêm cấm, tuy nhiên vì động cơ tư lợi, muốn có thu nhập khủng bị cáo đã ngang nhiên thực hiện và bất chấp hậu quả, lợi dụng những người đi vay đang gặp hoàn cảnh khó khăn cấp bách cần tiền gấp để ép những người vay tiền phải chịu mức lãi suất cao (lãi nặng) nhằm thu lợi bất chính mà thực chất là bóc lột người vay, khi người vay không trả tiền thì manh động sử dụng hung khí hù dọa và xit sơn lên nhà để đòi nợ. Hành vi của bị cáo làm cho người vay tiền phải lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng, thậm chí mang đến những hậu quả khó lường làm ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Không những làm người đi vay phải chịu lãi suất quá cao dẫn đến khánh kiệt kinh tế gia đình mà còn gây mất trật tự trị an, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực quản lý tín dụng của Nhà nước nên cần xử lý nghiêm, có sức răn đe để ngăn chặn hữu hiệu trong tình hình và diễn biến phức tạp của tội phạm này ngày càng manh động, táo tợn.

[3] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo: Thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, p khoản 1 điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét đến nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, xét thấy cần cho bị cáo hưởng mức án cải tạo không giam giữ như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ để răn đe, tác dụng giáo dục, đấu tranh phòng chống tội phạm. Đồng thời, ngoài hình phạt chính theo quy định tại khoản 3 điều 163 Bộ luật Hình sự bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 01 lần đến 05 lần số lợi bất chính, xét tính chất vụ án nên áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền bị cáo 02 lần số thu lợi bất chính là 139.100.000^d (cách tính: 69.550.000^d x 2) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Theo quy định tại khoản 3 điều 31 của Bộ luật Hình sự bị cáo còn bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung vào Ngân sách Nhà nước, tuy nhiên xét thấy bị cáo hiện giờ không xác định được việc làm và thu nhập nên quyết định miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Đối với số tiền 69.550.000^d bị cáo thu lãi khi cho 19 người vay trong vụ án. Đây là khoản tiền thu lợi bất chính từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài số tiền thu lợi từ 19 người vay mà Cơ quan điều tra làm rõ được thì theo bị cáo khai còn cho một số đối tượng khác vay tiền để thu lợi bất chính nhưng hiện nay Cơ quan điều tra chưa nhận được trình báo nên chưa làm rõ được, khi nào

xác định được sẽ xử lý sau; Đối với những người vay tiền của Dương Quang H nhưng chưa trả tiền đầy đủ, gồm: bà Huỳnh Thị Hồng Th vay 20.000.000^d, trả được 11.000.000^d; ông Võ Văn T vay 10.000.000^d, trả được 3.900.000^d; bà Lê Thị Ngọc N vay 10.000.000^d, trả được 7.200.000^d; ông Phạm Ngọc L vay 10.000.000^d, trả được 6.300.000^d; bà Nguyễn Thị Ánh T vay 25.000.000^d, trả được 11.400.000^d; bà Võ Thị Gái E vay 20.000.000^d, trả được 13.800.000^d. Do chưa trả đủ số tiền gốc và tiền lãi nên không có cơ sở để truy cứu bị cáo đối với các trường hợp này. Quan điểm xử lý của Cơ quan điều tra là có căn cứ nên không đề cập đến.

Đối với hành vi của Dương Văn H1, Dương Văn H2, Võ Thị Thanh Th, cơ quan điều tra không đề nghị xử lý hình sự; Đối với những người tên: Ph (*Tuấn em*) ở Long An, Ân (*Tiến*) ở Bạc Liêu, L (*Tuấn Anh*) ở Bình Phước, Tr (*Dũng*) ở Ninh Bình. Quá trình điều tra, chưa xác định được nhân thân, lai lịch và chưa tiến hành ghi lời khai được nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau. Quan điểm xử lý của Cơ quan điều tra là có căn cứ nên không đề cập đến.

[4] Xử lý vật chứng:

Đối với 05 gậy sắt rút 3 khúc màu đen; 04 mã tấu tự chế dài 1,2m; 01 dao gấp màu trắng; 01 dao gấp màu đen; 02 mã tấu lưỡi Inox, cán gỗ; là hung khí mà bị cáo Dương Quang H sử dụng nhằm phục vụ cho việc đòi nợ tiền vay nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1134 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1187; bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc cho vay lãi nặng nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước

[5] Về án phí: Theo quy định tại điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bị cáo phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1, 3 điều 163; điểm h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điều 46, 47 Bộ luật Hình sự 2015; điều 106, điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Dương Quang H (*Võ Mạnh Hùng*) phạm tội **“Cho vay lãi nặng”**

Xử phạt: Bị cáo Dương Quang H (*Võ Mạnh Hùng*) 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Dương Quang H (*Võ Mạnh Hùng*) cho Ủy ban nhân dân xã Ân Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình cùng với gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Buộc bị cáo Dương Quang H (*Võ Mạnh Hùng*) phải nộp phạt bổ sung số tiền 139.100.000^d (*Một trăm ba mươi chín triệu một trăm ngàn đồng*) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Biện pháp tư pháp:

Truy thu buộc bị cáo Dương Quang H (*Võ Mạnh Hùng*) phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 69.550.000^d (*Sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 05 gậy sắt rút 3 khúc màu đen; 04 mã tấu tự chế dài 1,2m; 01 dao gấp màu trắng; 01 dao gấp màu đen; 02 mã tấu lưỡi Inox, cán gỗ; Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1134 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1187 (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/5/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Phan rang – Tháp Chàm cho Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Phan rang - Tháp Chàm).

Về án phí: Bị cáo Dương Quang H (*Võ Mạnh Hùng*) phải chịu 200.000^d (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo - quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/7/2018). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND T.P Phan rang- Tháp chàm;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Công an T.P Phan rang- Tháp chàm;
- Sở tư pháp Ninh Thuận
- T.H.A hình sự, dân sự;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- UBND xã Ân Hòa;
- Lưu Án văn; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang